



Flashcardo.com

Vi håper at disse utskrivbare flashkortene vil være nyttige for deg. For å finne enda flere flashkortprodukter, gå til vår nettside www.flashcardo.com/nb. På Flashcardo.com tilbyr vi nettbaserte flashkort, flashkort med repetisjon over tid, videoflashkort og mye mer. Alt er gratis og klart til bruk for elever over hele verden.

Opphavsrett, lisensnotater

Denne PDF-en er beskyttet av opphavsrett, og alle rettigheter er forbeholdt. Du står fritt til å dele denne PDF-en med hvem som helst. Du har imidlertid ikke lov til å selge denne PDF-en eller innholdet i den. Hvis du har spørsmål, gå til www.flashcardo.com/nb for å komme i kontakt med oss. Tusen takk!

Ansvarsfraskrivelse

DENNE PDF-EN LEVERES "SOM DEN ER", UTEN NOEN FORM FOR GARANTI, VERKEN UTTRYKT ELLER UNDERFORSTÅTT, INKLUDERT, MEN IKKE BEGRENSET TIL, GARANTIER OM SALGBARHET, EGNETHET FOR ET BESTEMT FORMÅL OG IKKE-KRENKELSE. UNDER INGEN OMSTENDIGHETER SKAL FORFATTERNE ELLER RETTIGHETSHAVERNE HOLDES ANSVARLIGE FOR NOEN KRAV, SKADER ELLER ANNEN ANSVARLIGHET, ENTEN I EN RETTSSAK, ERSTATNINGSKRAV ELLER PÅ ANNEN MÅTE, SOM OPPSTÅR FRA, UT AV ELLER I FORBINDELSE MED PDF-EN ELLER BRUKEN ELLER ANDRE FORHOLD KNYTTET TIL PDF-EN.

Opphavsrett © 2025 Flashcardo.com. Alle rettigheter forbeholdt

Tosidig utskrift

Vennligst merk at disse flashkortene er ment å skrives ut tosidig. Hvis skriveren din ikke kan skrive ut tosidig, vennligst last ned de enkeltstående flashkort-PDF-ene for utskrift.

tôi

bạn
đại từ

anh ấy

cô ấy

nó

chúng tôi / chúng ta

các bạn

họ

cái gì

ai

ở đâu

tại sao

làm sao

cái nào

lúc nào

sau đó

nếu

thật sự

nhưng

bởi vì

không

han

du

jeg

vi

det

hun

hva

de

dere

hvorfor

hvor

hvem

når

hvilken

hvordan

virkelig

hvis

så

ikke

fordi

men

này

Tôi cần cái này

Cái này giá bao nhiêu?

đó
vật

tất cả

hoặc

và

biết

Tôi biết

Tôi không biết

nghĩ

đến

đặt

lấy

tìm

nghe

làm việc

nói chuyện

cho

thích

giúp đỡ

hva koster dette?

jeg trenger dette

dette

eller

alle

det

jeg vet

å vite

og

å komme

å tenke

jeg vet ikke

å finne

å ta

å legge

å snakke

å jobbe

å høre

å hjelpe

å like

å gi

yêu

gọi

chờ đợi

Tôi thích bạn

Tôi không thích cái này

Bạn có yêu tôi không?

Tôi yêu bạn

không

một

hai

ba

bốn

năm

sáu

bảy

tám

chín

mười

mười một

mười hai

mười ba

å vente

å ringe

å elske

elsker du meg?

jeg liker ikke dette

jeg liker deg

1

0

jeg elsker deg

4

3

2

7

6

5

10

9

8

13

12

11

mười bốn

mười năm

mười sáu

mười bảy

mười tám

mười chín

hai mươi

mới

cũ

ít

nhiều

bao nhiêu?
đại cương

bao nhiêu?
số

sai

chính xác

xấu

tốt

hạnh phúc

ngắn

dài

nhỏ

16

15

14

19

18

17

gammel

ny

20

hvor mye?

mange

få

riktig

feil

hvor mange?

lykkelig

flink

dårlig

liten

lang

kort

lớn
to

đó
địa điểm

đây

phải

trái

xinh đẹp

trẻ

già

xin chào

hẹn gặp lại

được

bảo trọng nhé

đừng lo

tất nhiên

chúc ngày tốt lành

chào

bái bai

tạm biệt

xin làm phiền

xin lỗi

cảm ơn bạn

her

der

stor

vakker

venstre

høyre

hallo

gammel

ung

ta vare på deg selv

ok

ser deg senere

god dag

selvfølgelig

ikke bekymre deg

farvel

ha det

hei

takk

beklager

unnskyld

làm ơn

Tôi muốn cái này

bây giờ

buổi chiều

buổi sáng
9:00-11:00

ban đêm

buổi sáng
6:00-9:00

buổi tối

buổi trưa

nửa đêm

giờ

phút

giây

ngày

tuần

tháng

năm

thời gian

ngày tháng

ngày hôm kia

hôm qua

nå

jeg vil ha dette

vær så snill

natt

formiddag

ettermiddag

middag

kveld

morgen

minutt

time

midnatt

uke

dag

sekund

tid

år

måned

i går

i forgårs

dato

hôm nay

ngày mai

ngày kia

thứ hai
ngày

thứ ba
ngày

thứ tư
ngày

thứ năm

thứ sáu

thứ bảy

chủ nhật

Ngày mai là thứ bảy

cuộc đời

đàn bà

đàn ông

tình yêu

bạn trai

bạn gái

bạn
danh từ

hôn
danh từ

tình dục

trẻ em

i overmorgen

i morgen

i dag

onsdag

tirsdag

mandag

lørdag

fredag

torsdag

liv

i morgen er det lørdag

søndag

kjærlighet

mann

kvinne

venn

kjæreste

kjæreste

barn

sex

kyss

em bé

con gái
đại cường

con trai
đại cường

mẹ

ba

má
mẹ

cha

cha mẹ

con trai
gia đình

con gái
gia đình

em gái

em trai

chị gái

anh trai

đứng

ngồi

nằm xuống

đóng

mở
cửa

thua

thắng

gutt

jente

baby

mor

pappa

mamma

sønn

foreldre

far

lillebror

lillesøster

datter

å stå

storebror

storesøster

å lukke

å ligge

å sitte

å vinne

å tape

å åpne

chết

sống
động từ

bật

tắt

giết

làm bị thương

chạm

xem

uống

ăn

đi bộ

gặp

đặt cược

hôn
động từ

đi theo

cười

trả lời

hỏi

câu hỏi

công ty

kinh doanh

å slå på

å leve

å dø

å skade

å drepe

å slå av

å drikke

å se på

å røre

å møte

å gå

å spise

å følge

å kysse

å vedde

å spørre

å svare

å gifte

virksomhet

firma

spørsmål

việc làm

tiền

điện thoại

văn phòng

bác sĩ

bệnh viện

y tá

cảnh sát
người

tổng thống

màu trắng

màu đen

màu đỏ

màu xanh da trời

màu xanh lá cây

màu vàng

chậm

nhanh

vui vẻ

không công bằng

công bằng

khó

telefon

penger

jobb

sykehus

doktor

kontor

president

politimann

sykepleier

rød

svart

hvit

gul

grønn

blå

morsom

rask

langsom

vanskelig

rettferdig

urettferdig

dễ

Cái này khó

giàu

nghèo

khỏe

yếu

an toàn

mệt mỏi

tự hào

no bụng

bệnh

khỏe mạnh

tức giận

thấp
đại cương

cao
đại cương

thẳng

mỗi / mọi

luôn luôn

thực ra

lần nữa

đã

rik

dette er vanskelig

lett

svak

sterk

fattig

stolt

sliten

trygg

sunn

syk

mett

høy

lav

sint

alltid

hver

rett

allerede

igjen

faktisk

ít hơn

phần lớn

nhiều hơn

Tôi muốn nhiều hơn

không có

rất

động vật

con lợn

con bò

con ngựa

con chó

con cừu

con khỉ

con mèo

con gấu

con gà

con vịt

con bướm

con ong

con cá

con nhện

mer

flest

mindre

veldig

ingen

jeg vil ha mer

ku

gris

dyr

sau

hund

hest

bjørn

katt

ape

sommerfugl

and

kylling

edderkopp

fisk

bie

con rắn

ở ngoài

ở trong

xa

gần

bên dưới

bên trên

bên cạnh

phía trước

phía sau

ngọt

chua

lạ

mềm

cứng

đáng yêu

ngu ngốc

điên khùng

bận rộn

cao
người

thấp
người

på innsiden

på utsiden

slange

under

nær

fjern

foran

ved siden av

over

sur

søt

bak

hard

myk

rar

gal

dum

søt

liten

høy

opptatt

lo lắng

ngạc nhiên

ngẫu

cư xử tốt

ác độc

khéo léo

lạnh

nóng

đầu

mũi

tóc

miệng

tai

mắt

bàn tay

bàn chân

tim

não

kéo

đẩy

ấn

kul

overrasket

bekymret

smart

ond

veloppdragen

hode

varm

kald

munn

hår

nese

hånd

øye

øre

hjerne

hjerte

fot

å trykke

å dytte

å trekke

đánh

bắt

chiến đấu

ném

chạy
động từ

đọc

viết

sửa chữa

đếm

cắt

bán

mua

trả

học

mơ

ngủ

chơi

ăn mừng

nghỉ ngơi

thưởng thức

dọn dẹp

å slåss

å fange

å slå

å lese

å løpe

å kaste

å telle

å fikse

å skrive

å kjøpe

å selge

å kutte

å drømme

å studere

å betale

å feire

å spille

å sove

å vaske

å nyte

å slappe av

trường học

nhà ở

cửa

chồng

vợ

đám cưới

người

xe hơi

nhà

thành phố

số

hai mươi mốt

hai mươi hai

hai mươi sáu

ba mươi

ba mươi mốt

ba mươi ba

ba mươi bảy

bốn mươi

bốn mươi mốt

bốn mươi bốn

dør

hus

skole

bryllup

kone

ektemann

hjem

bil

person

21

tall

by

30

26

22

37

33

31

44

41

40

bốn mươi tám

năm mươi

năm mươi mốt

năm mươi lăm

năm mươi chín

sáu mươi

sáu mươi mốt

sáu mươi hai

sáu mươi sáu

bảy mươi

bảy mươi mốt

bảy mươi ba

bảy mươi bảy

tám mươi

tám mươi mốt

tám mươi bốn

tám mươi tám

chín mươi

chín mươi mốt

chín mươi lăm

chín mươi chín

51

50

48

60

59

55

66

62

61

73

71

70

81

80

77

90

88

84

99

95

91

một trăm

một nghìn

mười nghìn

một trăm nghìn

một triệu

con chó của tôi

con mèo của bạn

váy của cô ấy

xe của anh ấy

quả bóng của nó

nhà của chúng tôi

đội của bạn

công ty của họ

mọi người

cùng nhau

khác

không thành vấn đề

chúc mừng

thư giãn đi

tôi đồng ý

chào mừng

10.000

1000

100

min hund

1.000.000

100.000

hans bil

hennes kjole

din katt

ditt lag

vårt hjem

dets ball

sammen

alle

deres firma

skål

spiller ingen rolle

andre

velkommen

jeg er enig

slapp av

không phải lo

rễ phải

rễ trái

đi thẳng

Hãy đi với tôi

trúng

phô mai

sữa

cá

thịt

rau

trái cây

xương
món ăn

dầu

bánh mì

đường
món ăn

sô cô la

kẹo

bánh bông lan

đồ uống

nước

ta til venstre

ta til høyre

bare hyggelig

egg

bli med meg

gå rett

fisk

melk

ost

frukt

grønnsak

kjøtt

brød

olje

bein

godteri

sjokolade

sukker

vann

drikke

kake

nước soda

cà phê

trà

bia

rượu nho

sa lát

súp

món tráng miệng

bữa ăn sáng

bữa trưa

bữa tối

pizza

xe buýt

xe lửa

ga xe lửa

trạm dừng xe buýt

máy bay

tàu

xe tải

xe đạp

xe mô tô

te

kaffe

vann med kullsyre

salat

vin

øl

frokost

dessert

suppe

pizza

middag

lunsj

togstasjon

tog

buss

skip

fly

busstopp

motorsykkkel

sykkkel

lastebil

xe taxi

đèn giao thông

bãi đậu xe

đường
xe hơi

quần áo

giày dép

áo choàng

áo len

áo sơ mi

áo khoác

áo phộc

quần dài

đầm

áo phông

bít tất

áo ngực

quần lót

kính

túi xách

ví tiền

ví

parkeringsplass

trafikklys

drosje

sko

klær

vei

skjorte

genser

frakk

bukse

dress

jakke

sokk

t-skjorte

kjole

briller

underbukse

BH

lommebok

veske

veske

nhấn

mũ

đồng hồ đeo tay

túi

Bạn tên gì?

Tên của tôi là David

Tôi 22 tuổi

Bạn có khoẻ không?

Bạn có ổn không?

Nhà vệ sinh ở đâu vậy?

Tôi nhớ bạn

mùa xuân

mùa hè

mùa thu

mùa đông

tháng một

tháng hai

tháng ba

tháng tư

tháng năm

tháng sáu

armbåndsur

hatt

ring

mitt navn er David

hva heter du?

lomme

går det bra?

hvordan har du det?

jeg er 22 år gammel

vår

jeg savner deg

hvor er toalettet?

vinter

høst

sommer

mars

februar

januar

juni

mai

april

tháng bảy

tháng tám

tháng chín

tháng mười

tháng mười một

tháng mười hai

mua sắm

hóa đơn

chợ

siêu thị

tòa nhà

căn hộ

trường đại học

nông trại

nhà thờ

nhà hàng

quán bar

phòng thể dục

công viên

nhà vệ sinh
đại cương

bản đồ

september

august

juli

desember

november

oktober

marked

regning

shopping

leilighet

bygning

supermarked

kirke

gård

universitet

gym

bar

restaurant

kart

toalett

park

xe cứu thương

cảnh sát
đại cương

súng

lính cứu hỏa
đại cương

quốc gia

ngoại ô

ngôi làng

sức khỏe

dược phẩm

tai nạn

bệnh nhân

phẫu thuật

viên thuốc

sốt

cảm lạnh

vết thương

cuộc hẹn

ho

cổ

mông

vai

pistol

politi

ambulanse

forstad

land

brannvesen

medisin

helse

landsby

operasjon

pasient

ulykke

forkjølelse

feber

pille

hoste

time

sår

skulder

rumpe

hals

đầu gối

chân

tay

bụng

ngực

lưng

răng

lưỡi

môi

ngón tay

ngón chân

dạ dày

phổi

gan

dây thần kinh

thận

ruột

màu sắc

màu cam

màu xám

màu nâu

arm

bein

kne

rygg

barm

mage

leppe

tunge

tann

magesekk

tå

finger

nerve

lever

lunge

farge

tarm

nyre

brun

grå

oransje

màu hồng

nhàm chán

nặng

nhẹ

cô đơn

đói bụng

khát nước

buồn

độc

bằng phẳng

tròn

vuông

hẹp

rộng

sâu

nông

lớn
rất

bắc

đông

nam

tây

tung

kjedelig

rosa

sulten

ensom

lett

bratt

trist

tørst

kantete

rund

flat

dyp

bred

smal

nord

enorm

grunn

vest

sør

øst

bẩn

sạch sẽ

đầy

trống rỗng

đắt

rẻ

tối

sáng

quyến rũ

lười biếng

dũng cảm

hào phóng

đẹp trai

xấu xí

ngớ ngẩn

thân thiện

tội lỗi

mù

say

ướt

khô

full

ren

skitten

billig

dyr

tom

sexy

lys

mørk

sjenerøs

modig

lat

tullete

stygg

kjekk

blind

skyldig

vennlig

tørr

våt

full

ấm áp

ồn ào

yên tĩnh

im lặng

nhà bếp

phòng tắm

phòng khách

phòng ngủ

vườn

gara

tường

tầng hầm

nhà vệ sinh
nhà ở

cầu thang

mái nhà

cửa sổ
tòa nhà

dao

tách

ly

đĩa

cốc

rolig

høyt

varm

bad

kjøkken

stille

hage

soverom

stue

kjeller

vegg

garasje

tak

trapp

toalett

kopp

kniv

vindu

beger

tallerken

glass

thùng rác

tô

bộ tivi

bàn
văn phòng

giường

gương

vòi hoa sen

ghế sofa

ảnh

đồng hồ

bàn
nhà

ghế
nhà

hồ bơi
vườn

chuông

hàng xóm

thất bại

chọn

bắn

bình chọn

rơi xuống

bảo vệ

fjernsynsapparat

bolle

søppelbøtte

speil

seng

pult

bilde

sofa

dusj

stol

bord

klokke

nabo

dørklokke

svømmebasseng

å skyte

å velge

å mislykkes

å forsvare

å falle

å stemme

tấn công

trộm

đốt

cứu

hút thuốc

bay

mang theo

khắc nhở

đá
động từ

cẩn

thở

ngủi

khóc

hát

cười mỉm

cười

lớn lên

co lại

tranh luận

đe dọa

chia sẻ

å brenne

å stjele

å angripe

å fly

å røyke

å redde

å sparke

å spytte

å bære

å lukte

å puste

å bite

å smile

å synge

å gråte

å krympe

å vokse

å le

å dele

å true

å krangle

cho ăn

trốn

cảnh báo

bơi

nhảy

lăn

nâng

đào

sao chép

giao hàng

tìm kiếm

luyện tập

đi du lịch

vẽ

tắm vòi sen

mở
khóa

khóa

rửa

cầu nguyện

nấu ăn

sách

å advare

å gjemme

å mate

å rulle

å hoppe

å svømme

å kopiere

å grave

å løfte

å øve

å lete etter

å levere

å dusje

å male

å reise

å vaske

å låse

å åpne

bok

å lage mat

å be

thư viện

bài tập về nhà

bài thi

bài học

khoa học

lịch sử

nghệ thuật

tiếng Anh

tiếng Pháp

cây bút

bút chì

ba phần trăm

thứ nhất

thứ hai
2

thứ ba
3

thứ tư
4

kết quả

hình vuông

hình tròn

diện tích

ngiên cứu

eksamen

hjemmelekser

bibliotek

historie

naturfag

time

fransk

engelsk

kunst

3%

blyant

penn

tredje

andre

første

kvadrat

resultat

fjerde

forskning

areal

sirkel

bằng cấp

cử nhân

thạc sĩ

x nhỏ hơn y

x lớn hơn y

áp lực

bảo hiểm

nhân viên
công ty

bộ phận

lương

địa chỉ

lá thư

thuyền trưởng

thám tử

phi công

giáo sư

giáo viên

luật sư

thư ký

trợ lý

thẩm phán

master

bachelor

akademisk grad

stress

$x > y$

$x < y$

avdeling

personale

forsikring

brev

adresse

lønn

pilot

detektiv

kaptein

advokat

lærer

professor

dommer

assistent

sekretær

giám đốc

quản lý

đầu bếp

tài xế taxi

tài xế xe buýt

tội phạm

người mẫu

nghệ sĩ

số điện thoại

tín hiệu

ứng dụng

trò chuyện

tập tin

url

địa chỉ email

trang mạng

thư điện tử

điện thoại di động

pháp luật

nhà tù

chứng cứ

kokk

sjef

direktør

kriminell

bussjåfør

drosjesjåfør

telefonnummer

artist

modell

chat

app

signal

e-postadresse

url

fil

mobiltelefon

e-post

nettside

bevis

fengsel

lov

tiền phạt

nhân chứng

tòa án

chữ ký

thua lỗ

lợi nhuận

khách hàng

số tiền

thẻ tín dụng

mật khẩu

máy rút tiền

bể bơi

điện

máy ảnh

đài radio

quà tặng

cái chai

cái túi

chìa khóa

búp bê

thiên thần

domstol

vitne

bot

fortjeneste

tap

signatur

kredittkort

beløp

kunde

svømmebasseng

minibank

passord

radio

kamera

strøm

pose

flaske

gave

engel

dukke

nøkkel

lược

kem đánh răng

bàn chải đánh răng

dầu gội

kem thoa

khăn giấy

son môi

truyền hình

rạp chiếu phim

tin tức

ghế
rạp chiếu phim

vé

màn chiếu

âm nhạc

sân khấu

khán giả

hội họa

trò đùa

bài báo

báo chí

tạp chí

tannbørste

tannkrem

kam

lommetørkle

krem

sjampo

kino

TV

leppestift

billett

sete

nyheter

scene

musikk

lerret

vits

maleri

publikum

ukeblad

avis

artikkel

quảng cáo

thiên nhiên

tro

lửa

kim cương

mặt trăng

Trái Đất

mặt trời

ngôi sao

hành tinh

vũ trụ

bờ biển
biển

hồ

rừng

sa mạc

đồi núi

đá
danh từ

con sông

thung lũng

núi

đảo

aske

natur

reklame

måne

diamant

ild

stjerne

sol

jorden

kyst

univers

planet

ørken

skog

innsjø

elv

stein

bakke

øy

fjell

dal

đại dương

biển

thời tiết

băng

tuyết

bão táp

mưa

gió

thực vật

cây

cỏ

hoa hồng

hoa

chất khí

kim loại

vàng

bạc

Bạc rẻ hơn vàng

Vàng đắt hơn bạc

ngày lễ

thành viên
người

vær

sjø

hav

storm

snø

is

plante

vind

regn

rose

gress

tre

metall

gass

blomst

sølv er billigere enn gull

sølv

gull

medlem

ferie

gull er dyrere enn sølv

khách sạn

bờ biển
cát

khách

sinh nhật

Giáng sinh

Năm Mới

Lễ Phục sinh

chú

cô

bà nội

ông nội

bà ngoại

ông ngoại

tử vong

phần mộ

ly hôn

cô dâu

chú rể

một trăm linh một

một trăm linh năm

một trăm mười

gjest

strand

hotell

nyttår

jul

bursdag

tante

onkel

påske

mormor

farfar

farmor

grav

død

morfar

brudgom

brud

skilsmisse

110

105

101

một trăm năm mươi mốt

hai trăm

hai trăm linh hai

hai trăm linh sáu

hai trăm hai mươi

hai trăm sáu mươi hai

ba trăm

ba trăm linh ba

ba trăm linh bảy

ba trăm ba mươi

ba trăm bảy mươi ba

bốn trăm

bốn trăm linh bốn

bốn trăm linh tám

bốn trăm bốn mươi

bốn trăm tám mươi bốn

năm trăm

năm trăm linh năm

năm trăm linh chín

năm trăm năm mươi

năm trăm chín mươi lăm

202

200

151

262

220

206

307

303

300

400

373

330

440

408

404

505

500

484

595

550

509

sáu trăm

sáu trăm linh một

sáu trăm linh sáu

sáu trăm mười sáu

sáu trăm sáu mươi

bảy trăm

bảy trăm linh hai

bảy trăm linh bảy

bảy trăm hai mươi bảy

bảy trăm bảy mươi

tám trăm

tám trăm linh ba

tám trăm linh tám

tám trăm ba mươi tám

tám trăm tám mươi

chín trăm

chín trăm linh bốn

chín trăm linh chín

chín trăm bốn mươi chín

chín trăm chín mươi

con hổ

606

601

600

700

660

616

727

707

702

803

800

770

880

838

808

909

904

900

tiger

990

949

con chuột

con chuột cống

con thỏ

con sư tử

con lừa

con voi

con chim

con gà trống choai

con chim bồ câu

con ngựa

côn trùng

con bọ

con muỗi

con ruồi

con kiến

con cá voi

con cá mập

con cá heo

con ốc sên

con ếch

thường xuyên

kanin

rotte

mus

elefant

esel

løve

due

hane

fugl

bille

insekt

gås

maur

flue

mygg

delfin

hai

hval

ofte

frosk

snegle

ngay lập tức

đột ngột

mặc dù

thể dục dụng cụ

quần vợt

chạy
đanh từ

đạp xe

đánh golf

trượt băng

bóng đá

bóng rổ

bơi lội

lặn

đi bộ đường dài

Vương quốc Anh

Tây Ban Nha

Thụy sĩ

Ý

Pháp

Đức

Thái Lan

selv om

plutselig

umiddelbart

løping

tennis

turn

skøyter

golf

sykling

svømming

basketball

fotball

Storbritannia

fottur

dykking

Italia

Sveits

Spania

Thailand

Tyskland

Frankrike

Singapore

Nga

Nhật Bản

Israel

Ấn Độ

Trung Quốc

Hoa Kỳ

Mexico

Canada

Chile

Brazil

Argentina

Nam Phi

Nigeria

Ma Rốc

Libya

Kenya

Algeria

Ai Cập

New Zealand

Úc

Japan

Russland

Singapore

Kina

India

Israel

Canada

Mexico

USA

Argentina

Brasil

Chile

Marokko

Nigeria

Sør-Afrika

Algerie

Kenya

Libya

Australia

New Zealand

Egypt

Châu Phi

Châu Âu

Châu Á

Châu Mỹ

mười lăm phút

nửa tiếng

bốn mươi lăm phút

một giờ

hai giờ năm phút

ba giờ mười phút

bốn giờ mười lăm

năm giờ hai mươi

sáu giờ hai mươi năm

bảy giờ rưỡi

tám giờ ba mươi lăm

mười giờ kém hai mươi

mười một giờ kém mười năm

mười hai giờ kém mười

một giờ kém năm

một giờ sáng

hai giờ chiều

Asia

Europa

Afrika

halvtime

ett kvarter

Amerika

2:05

1:00

tre kvarter

5:20

4:15

3:10

8:35

7:30

6:25

11:50

10:45

9:40

to på ettermiddagen

ett på morgenen

12:55

tuần trước

tuần này

tuần sau

năm ngoái

năm nay

năm sau

tháng trước

tháng này

tháng sau

ngày một tháng một năm hai
nghìn mười bốn

ngày hai mươi lăm tháng hai
năm hai nghìn linh ba

ngày mười hai tháng tư năm
một nghìn chín trăm tám
mười tám

ngày mười ba tháng mười
năm một nghìn tám trăm
chín mươi chín

ngày ba mươi tháng chín
năm một nghìn chín trăm
linh bảy

ngày mười hai tháng mười
hai năm hai nghìn

trán

nếp nhăn

cằm

má
cơ thể

râu

lông mi

neste uke

denne uka

forrige uke

neste år

i år

i fjor

neste måned

denne måneden

forrige måned

1988-04-12

2003-02-25

2014-01-01

2000-12-12

1907-09-30

1899-10-13

hake

rynke

panne

øyevipper

skjegg

kinn

lông mày

eo

gáy

lồng ngực

ngón cái

ngón tay út

ngón tay đeo nhẫn

ngón tay giữa

ngón tay trỏ

cổ tay

móng tay

gót chân

xương sống

cơ bắp

xương
cơ thể

bộ xương

xương sườn

đốt sống

bàn quang

tĩnh mạch

động mạch

nakke

liv

øyebryn

lillefinger

tommel

bryst

pekefinger

langfinger

ringfinger

hæl

fingernegl

håndledd

bein

muskel

ryggrad

virvler

ribbein

skjelett

arterie

blodåre

blære

âm đạo

tinh trùng

dương vật

tinh hoàn

mộng nước

cay

mặn

sống
tính từ

lược

nhút nhát

tham lam

ngghiêm khắc

điếc

penis

sperm

vagina

sterk

saftig

testikkel

kokt

rå

salt

streng

grådig

sjenert

døv